TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **1208**/2022/QĐST-HNGĐ	*Biên Hòa, ngày 29 tháng 6 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Căn cứ vào các điều 212, 213 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 1613/2022/TLST-VHNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

1. Bà Bùi Thị Y, sinh năm 1993;

Địa chỉ thường trú: Tổ 18, ấp 4, xã X, huyện Y, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông Nguyễn Na V, sinh năm 1983;

Địa chỉ thường trú: Khu phố 2, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Y và ông Nguyễn Na V kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Bình Thuận, hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm dẫn tới thường xuyên cãi vã. Đến nay, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng tới mức không thể hóa giải. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, ông bà vẫn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Bùi Thị Y và ông Nguyễn Na V có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc An N, sinh ngày 22/3/2020. Ly hôn, hai bên thỏa thuận giao cháu Nguyễn Ngọc An N cho bà Bùi Thị Y trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Na V được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Ông Nguyễn Na V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Ngọc An N với mức 3.000.000đ/tháng (Ba triệu đồng/tháng) cho đến khi cháu Nguyễn Ngọc An N đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

[3] Về tài sản chung: Hai bên khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải

quyết.

Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Y và ông Nguyễn Na V thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc An N, sinh ngày 22/3/2020 cho bà Bùi Thị Y trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Na V được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Ông Nguyễn Na V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Ngọc An N với mức 3.000.000đ/tháng (Ba triệu đồng/tháng) cho đến khi cháu Nguyễn Ngọc An N đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo thủ tục do pháp luật quy định.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Hai bên khai tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Bùi Thị Y và ông Nguyễn Na V mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003033 ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, bà Bùi Thị Y và ông Nguyễn Na V đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Biên Hòa (2);
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa (1);
- UBND nơi đăng ký kết hôn (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu: HS, VP, TP (3).

THẨM PHÁN

Lê Văn Thăng